

Bản án số: **35/2020/HS-ST**
Ngày 30-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiên

Ông Trần Khắc Viện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc S** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 19/02/1991 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: THÔN P, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; T độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H; vợ: Nguyễn Thùy L, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2019; anh chị em ruột: Có 02, bị cáo là thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt tại phiên tòa.*

** Người bào chữa cho bị cáo:*

Ông Phạm Mạnh H – Luật sư, Văn phòng Luật sư Hồng Hà thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt tại phiên tòa.*

** Bị hại:* Anh Vũ Mạnh H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 3, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt tại phiên tòa.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. *Có mặt tại phiên tòa.*

- Anh Bùi Đức T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Chị Bùi Thị T, sinh năm 1998;

Nơi ĐKKHKT: Xóm D, xã V, huyện K, tỉnh Hòa Bình. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Anh Vũ Quốc H, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Tổ 3, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết và thường thuê xe ô tô tự lái của anh Vũ Mạnh H, trú tại tổ 3, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang nên khoảng 09 giờ ngày 06/4/2020, Nguyễn Ngọc S gọi điện thoại cho anh H hỏi thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI- SANTAFE, biển kiểm soát 29A-178.66 để tự lái phục vụ việc đi lại của cá nhân (đăng ký xe mang tên Lưu Sỹ Cúc, trú tại thôn Thượng, xã Viên Nội, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội; anh Cúc đã uỷ quyền cho anh H quản lý, sử dụng, bán, cho thuê chiếc xe này kể từ ngày 03/02/2020), anh H nhất trí cho S thuê xe ô tô với giá thỏa thuận là 1.300.000 đồng/ngày. Vì đang nằm điều trị tại bệnh viện, anh H bảo S đến nhà lấy xe ô tô, khi đến nhà, S gọi điện thoại cho anh H, anh H bảo S đưa điện thoại cho Vũ Quốc H (con trai anh H) và bảo Huy lấy chìa khoá xe ô tô giao cho S cùng các giấy tờ có liên quan được để trong xe ô tô, gồm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô (đều mang tên Lưu Sỹ Cúc).

Sau khi thuê được xe ô tô, S điều khiển xe đi đến khu vực xã Hải Lựu, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc chơi. Khoảng 10 giờ ngày 07/4/2020, vì không có tiền chi tiêu cá nhân, S gọi điện thoại cho anh Bùi Đức T, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (là người quen do đã có lần trao đổi mua bán xe ô tô) với mục đích muốn bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI- SANTAFE, biển kiểm soát 29A- 178.66, nhưng anh T không đủ tiền mua nên đã gọi điện thoại cho anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố Hoa Lư, thị trấn Hoa Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (là bạn của anh T) giới thiệu mua xe của S, anh T nhất trí và hẹn mang xe đến Cửa hàng bán thuốc tây của anh

T (đối diện Trung tâm y tế huyện L) để xem xe. Khoảng 15 giờ cùng ngày, S điều khiển xe ô tô đến, anh T và S xem xe; anh T hỏi S về nguồn gốc chiếc xe ô tô, S nói nguồn gốc xe hợp pháp do mẹ S mua cho S để sử dụng làm ăn. Sau đó anh T và S thỏa thuận mua bán chiếc xe với giá 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), anh T yêu cầu S viết giấy mua bán xe ô tô theo mẫu và chuyển tiền trả cho S vào số tài khoản 3006205120701 Ngân hàng Agribank mang tên Bùi Thị T, sinh năm 1998, trú tại xã V, huyện K, tỉnh Hoà Bình (Thương là bạn của S, cho S mượn sử dụng tài khoản và thẻ ATM từ khoảng tháng 7/2019). Ngày 12/4/2020, S chuyển số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) vào tài khoản 34110001208121 Ngân hàng BIDV mang tên Vũ Quốc H (con trai anh H) để trả trước một phần tiền thuê xe; số tiền bán xe còn lại S chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 13/4/2020, anh H kiểm tra hệ thống định vị GPS của xe ô tô thấy không hoạt động nên gọi điện thoại cho S yêu cầu kiểm tra; S đã đến nhà anh T mượn xe đánh ra ngoài đường và mở định vị xe cho anh H kiểm tra, sau đó S trả lại xe ô tô cho anh T và đi về. Thấy S thuê xe ô tô nhiều ngày không trả, anh H gọi điện thoại, nhắn tin yêu cầu S mang xe về trả, do đã bán xe và chi tiêu hết tiền nên những ngày tiếp theo S không nghe điện thoại không trả lời tin nhắn của anh H. Đến ngày 17/4/2020, anh H làm đơn đến Công an thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tố giác S về hành vi chiếm đoạt tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 26/5/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Tuyên Quang kết luận giá trị thực tế của chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI- SANTAFE, biển kiểm soát 29A-178.66 tại thời điểm ngày 06/4/2020 trị giá là 583.275.000đ (năm trăm tám mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Quá T điều tra, ngày 18/5/2020 Nguyễn Thanh T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại SANTAFE, biển kiểm soát 29A-178.66; số máy D4HAAU 365079; số khung KMHSH 81UBBU, đăng ký lần đầu năm 2011, xe đã qua sử dụng, tình trạng xe đang hoạt động; 01 đăng ký xe số 056868; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 0914082 phương tiện biển đăng ký 29A- 178.66; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số 0079236 (đều mang tên Lưu Sỹ c). Cùng ngày Cơ quan điều tra ra quyết định tạm giữ chiếc xe trên. Ngày 24/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe ô tô và toàn bộ giấy tờ nêu trên cho anh Vũ Mạnh H là chủ sở hữu hợp pháp.

Bản Cáo trạng số 33/CT-VKS-P1 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc S về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với quá T điều tra và bản cáo trạng đã truy tố.

Bị hại anh Vũ Mạnh H có mặt trình bày: Anh đã nhận lại xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại SANTAFE, biển kiểm soát 29A-178.66. Trước khi Tòa án mở phiên tòa xét xử gia đình bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho anh số tiền

50.000.000đ, là tiền bị cáo thuê xe ô tô chưa trả cho anh trong thời gian từ ngày 06/4/2020 đến ngày cơ quan điều tra trả lại xe cho anh vào ngày 24/6/2020. Anh đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và anh. Về hình phạt, anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo còn trẻ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) mà anh T đã trả cho S để mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI- SANTAFE biển kiểm soát 29A-178.66 của S.

Phản tranh luận, Kiểm sát viên T bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S từ 10 năm đến 11 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 23/6/2020. Do bị cáo không có tài sản nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

* Trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 123, Điều 131, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc S phải hoàn trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc S đã bồi thường bị hại anh Vũ Mạnh H số tiền 50.000.000 đồng.

* Án phí: Đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Luật sư Nguyễn Mạnh Hùng bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc S T bày luận cứ: Nhất trí với Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội. Về tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, quá T điều tra và tại phiên tòa bị cáo tỏ ra rất ân hận, ăn năn hối cải, đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại, Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Quá T sinh sống tại địa phương bị cáo chấp hành tốt pháp luật và các quy định của địa phương, thực hiện các nghĩa vụ của công dân. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 cho bị cáo

được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo rèn luyện, sửa chữa lỗi lầm sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, không bổ sung thêm ý kiến gì khác, không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Ngọc S nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất, để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc S thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng thu giữ, các kết luận giám định, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 07/4/2020, tại Cửa hàng bán thuốc tây của anh Bùi Đức T, đối diện công Trung tâm y tế huyện L, thuộc tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Ngọc S đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI- SANTAFE, biển kiểm soát 29A-178.66 của bị hại Vũ Mạnh H có giá trị là 583.275.000đ (năm trăm tám mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc S về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ, mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xét xử nghiêm và có mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thì mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay.

[3] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường xong cho người bị hại. Tại phiên tòa người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên

đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp với đường lối xét xử hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo ở mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát mới phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Về hình phạt bổ sung là phạt tiền do bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng.

[5] Về luận cứ bào chữa của Luật sư: Trên cơ sở nội dung tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định cho phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bị hại anh Vũ Mạnh H quá T điều tra yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền thuê xe ô tô theo thỏa thuận 1.300.000đ/ một ngày, thời gian tính thuê xe từ ngày 06/4/2020 đến ngày 18/5/2020 và trừ đi số tiền bị cáo S đã chuyển khoản trả trước 10.000.000đ (mười triệu đồng). Tại phiên tòa anh H xác nhận anh đã nhận lại xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại SANTAFE, biển kiểm soát 29A-178.66, trước khi mở phiên tòa bị cáo đã tác động nhờ gia đình bồi thường cho anh H cụ thể chị gái của bị cáo là Nguyễn Thị Lan Anh đã thỏa thuận bồi thường cho anh H số tiền 40.000.000đ là tiền bị cáo thuê xe ô tô chưa trả cho anh H. Anh H đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, chị Nguyễn Thị Lan Anh cũng không đề nghị bị cáo hoàn trả cho chị số tiền chị đã bồi thường cho anh H nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thanh T là người đã mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI- SANTAFE, biển kiểm soát 29A-178.66 với giá 200.000.000đ. Khi mua xe anh T không biết xe không phải của bị cáo do đó giao dịch dân sự giữa bị cáo S và anh T là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật. Sau khi phát hiện đây là vật chứng của vụ án anh T đã nộp lại chiếc xe trên cho cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Tuyên Quang để trả lại cho bị hại. Do đó, cần buộc bị cáo phải trả lại số tiền 200.000.000đ cho anh Nguyễn Thanh T.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá T điều tra, ngày 18/5/2020 Nguyễn Thanh T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại SANTAFE, biển kiểm soát 29A-178.66; số máy D4HAAU 365079; số khung KMHSH 81UBBU, đăng ký lần đầu năm 2011, xe đã qua sử dụng, tình trạng xe đang hoạt động; 01 đăng ký xe số 056868; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 0914082 phương tiện biển đăng ký 29A- 178.66; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số 0079236 (đều mang tên Lưu Sỹ C). Cùng ngày Cơ quan điều tra ra quyết định tạm giữ chiếc xe trên. Ngày 24/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe ô tô và toàn bộ giấy tờ nêu trên cho anh Vũ Mạnh H là chủ sở hữu hợp pháp nên không đề cập xử lý.

[8] Đối với chị Bùi Thị T, là bạn của bị cáo S cho bị cáo mượn thẻ ATM và tài khoản ngân hàng nhưng không biết việc bị cáo sử dụng để chiếm đoạt tài sản, nên không đề cập xem xét.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá T điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, T tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá T điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 175; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc S, phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc S 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/6/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 123, Điều 131, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc S phải hoàn trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T số tiền 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Ngọc S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Tổng cộng án phí bị cáo phải chịu là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

Bị cáo, bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn

15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/11/2020. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần liên quan) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Quang
(CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Ngọc Hà

